TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/PT-TC
Ngày: 25/01/2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Loan
Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/TCDS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân huyện Minh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2018/QĐ - PT ngày 04/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1942

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị X- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn Ch, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2016 và tại các bản tự khai, các phiên hoà giải, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày như sau:

Năm 1995, Hợp tác xã nông nghiệp L, xã Q được giải thể, ông được nhận chuyển nhượng lại nguyên vườn của Hợp tác xã ngày xưa, từ đó ông chăm sóc, bảo vệ vườn được tái sinh phục hồi lại. Đến tháng 12/1996 có Nghị quyết 02 của Chính phủ phát triển kinh tế hộ gia đình, ông tự làm đơn tới chính quyền địa phương và các cấp có thẩm quyền giải quyết. Đến ngày 02/06/1997 được các cấp có thẩm

quyền cấp đất cho ông tại vùng đồi, địa danh lô đất: là đồi khe Sụ Chuối Tỏ với diện tích là 03 ha, thuộc vườn Bạch Đàn của hợp tác xã ngày xưa có bản đồ và hồ sơ.

Từ ngày ông được chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận, gia đình ông đã sản xuất, khai thác 02 lứa Keo và Bạch Đàn. Ngày 18/12/2014 trong lúc gia đình ông khai thác Keo thì gia đình ông Ch đến tranh chấp đất và cây cối. Từ đó đến nay gia đình ông Ch đã rào và trồng cây trên phạm vi vườn của ông với diện tích trồng hơn 1.000 m^2. Ông đề nghị Toà án huyện Minh Hóa giải quyết buộc ông Ch trả lại đất cho gia đình ông và riêng số cây đã trồng thì sau này đến lúc thu hoạch là 02 năm yêu cầu ông Ch trả lại đất cho gia đình ông.

Tại bản tự khai ngày 16/02/2017, tại các phiên toà giải, ông bị đơn ông Đặng Văn Ch trình bày:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông khai hoang phục hoá để trồng Sắn từ ngày 06/10/1992, đến năm 1997 gia đình ông được cấp đất rừng để trồng lâm nghiệp. Vị trí đất của gia đình giáp hộ ông Nguyễn Văn H, căn cứ theo pháp luật giao đất lâm nghiệp lâu dài 50 năm, gia đình ông nhận được tổng diện tích là 0,5 ha, có đơn nhận đất và bản đồ giao đất, lô 3 khoảnh 3 loại rừng nông nghiệp tự nhiên có Hội đồng giao đất gồm ông Đinh Xuân M, ông Đinh Xuân B - Trưởng thôn, ông Đinh Xuân Q - Kiểm lâm. Trong đó có đất canh tác của gia đình để trồng sắn không tính vào đất lâm nghiệp. Ông H đã lấn chiếm hết đất của gia đình và trồng cây vào đó. Đề nghị Toà án huyện Minh Hóa giải quyết cho gia đình ông nhận lại số đất bị lấn chiếm để gia đình làm kinh tế.

Ngày 28/03/2017, Toà án cấp sơ tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả thẩm định và đánh giá như sau: Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã dùng máy định vị GPS ETREX10 để tiến hành xem xét thêm định tại chỗ diện tích đất của ông H và ông Ch.

+ Diện tích đất của ông Nguyễn Ngọc H là 8.160m^2

+ Diện tích đất của ông Đặng Văn Ch là 1.350m^2

+ Diện tích đất tranh chấp giữa ông H và ông Ch là 4.286m^2

+ Trên diện tích đất tranh chấp 2.981 m^2 có một số cây Keo mật độ 2.300 cây/ha, cây cao trên 1 m, có đường kính nhỏ hơn 2 cm và có 30 gốc cây Bạch Đàn và 02 cây Bạch Đàn.

+Trên diện tích đất tranh chấp 1.305m^2 có số cây Keo mật độ 2.300 cây/ha cây cao trên 1 m, có đường kính lớn hơn 10cm.

Và các tài sản được định giá như sau:

+ Diện tích đất tranh chấp giữa ông Ch và ông H 4.286 m^2 x 4000 đ = 17.144.000 đ.

+ Số cây Keo trên diện tích đất tranh chấp 2.981 m^2 : 0,2981 ha x 19.700.000 đ = 5.872.000 đ.

+ Số cây Bạch Đàn trên diện tích đất tranh chấp 2.981 m^2 : 02 cây x 16.800 đ = 33.600 đ.

+ Số cây Keo trên diện tích đất tranh chấp 1.305 m^2: 0,1305 Ha x 33.176đ = 4.981.000 đ.

Tại bản án số: 11/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 143, 146, 147, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 2, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Ngọc H được sử dụng diện tích đất của mình và sử dụng phần diện tích đất 2981 m^2, có các tứ cận như sau:

Phía đông giáp đập Khe Sụ,

Tây giáp đất ông Q,

Nam giấp đất của ông Đặng Văn Ch,

Bắc giáp đất của ông (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc các đương sự phải chịu án phí, tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 11/10/2017, ông Nguyễn Ngọc H có đơn kháng cáo với nội dung: Toà án nhân dân huyện Minh Hóa xử thửa đất số 1.305m^2 cho anh Ch được sử dụng ông thấy chưa hợp lý. Ông cho rằng bản thân ông là người được nhận chuyển nhượng thừa kế, hiện tại trên thửa đất đang tranh chấp còn dấu tích cây cối của ông trồng là 4 cây Bạch Đàn (3 cây còn nguyên có đường kính 15 - 20cm, cao 5 -7m) mà Hội đồng thẩm định ngày 28/3/2017 chưa đưa vào biên bản, thửa đất này ông cũng là người được cấp trong Quyết định 165/UBH và theo Quyết định số 165-UBH tại điểm 2 Điều 2 có ghi " Sau 12 tháng giao đất mà gia đình không thực hiện đúng quy định thì Nhà nước sẽ giao đất cho người khác sử dụng". Gia đình ông Ch từ khi giao đất cho đến ngày 18/12/2014 mới tìm lại đất là không phù hợp. Việc Toà án sơ thẩm công nhận trong Bản án phía Đông giáp đập Sụ thì ở trên là đất ông Ch ở dưới là đất của ông được giải toả làm đập Sụ, như vậy có sự mâu thuẫn. Vì vậy ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án, xem xét cho ông theo 03 giấy làm chứng.

Ngày 03/01/2018, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H.

Ngày 06/11/2017, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn kháng cáo đề ngày 03/11/2018 của ông Đặng Văn Ch với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án số 11/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa, yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết xét xử buộc ông Nguyễn Ngọc H phải trả lại diện tích đất 0,50 ha đất cho gia đình ông.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo của ông Đặng Văn Ch, xét thấy đơn kháng cáo đã quá hạn luật định. Vì vậy ngày 04/01/2018, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thành lập Hội đồng xét kháng cáo quá hạn và đã triệu tập ông Đặng Văn Ch có mặt tại phiên họp. Tại Quyết định số: 08/QĐ-PT ngày 04/01/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định: Không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông Đặng Văn Ch đối với bản án sơ thẩm 11/2017/DS-ST ngày 28/09/2017 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa.

Ý kiến tranh luận của bà Bùi Thị X - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử buộc ông Đặng Văn Ch phải trả cho ông Nguyễn Ngọc H 4.286m^2, trên cơ sở ông Nguyễn Ngọc H đã sử dụng thửa đất này từ trước năm 1996, tại phần đất tranh chấp chính là phần đất Bạch Đàn của HTX L chuyển nhượng lại cho ông có trong nội dung của Quyết định cấp đất cho ông H số: 165/QĐ- UB ngày 2/6/1997.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự để hủy bản án Dân sự sơ thẩm, do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng một số nội dung như: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H ông chỉ yêu cầu ông Đặng Văn Ch trả lại khoảng 1.000m^2 đất, nhưng cấp sơ thẩm buộc ông Ch trả: 2.981m^2 là vượt quá nội dung khởi kiện. Ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện ông Đặng Văn Ch nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ ông Đặng Văn Ch và ông Đặng Ch tại hồ sơ cấp đất có phải là một người hay không. Vụ án thụ lý từ 26/12/ 2016, lẽ ra cấp sơ thẩm phải áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án để buộc đượng sự nộp án phí nhưng Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/ 2016 lúc thụ lý vụ án, chưa có có hiệu lực nhưng cấp sơ thẩm vẫn áp dụng là vi phạm tố tụng. Việc UBND huyện H cho rằng trong quá trình làm đập Sụ đã có thu hồi một số đất của các đương sự nhưng chưa có tài liệu chứng minh làm rõ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguyên đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghe các đương sự trình bày, sau khi thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Hội đồng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án đó là quan hệ tranh chấp đất thuộc Quyền sử dụng đất của ai, theo quy định tại khoản 9, Điều 26 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về nội dung: Sau khi các đương sự trình bày, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 2/6/1997 UBND huyện H Quyết định số: 165/QĐ - UB Quyết định giao đất lâm nghiệp theo Nghị định 02/CP cho ông Nguyễn Ngọc H thôn T, xã Q với diện tích: 3ha trong đó đất rừng Bạch đàn Hợp tác xã L chuyển nhượng 2ha, và 1 ha đất trồng rừng, địa danh: Đồi khe Sụ Chuối Tỏ. Theo nguồn gốc cấp đất và quá trình sử dụng đất trên diện tích được cấp ông H đã sử dụng từ trước năm 1996 đến nay, trên phần đất tranh chấp ông còn có 4 gốc cây Bạch Đàn của HTX hồi xưa. Tại cấp sơ thẩm đã tuyên ông buộc ông Ch trả cho ông 2.981m^2, nay ông kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm buộc ông Ch trả lại toàn bộ số đất cho ông là: 4.287m^2 (Bao

gồm: 2.981m^2 đã được cấp sơ thẩm tuyên trả, nay ông H đề nghị Tòa buộc ông Ch thêm phần diện tích: 1.305m^2 mà hiện nay ông Ch đang sử dụng cho ông).

Vì ông H cho rằng: Hồ sơ cấp đất cho Đặng Văn C được UBND huyện có Quyết định giao đất cho ông Ch từ năm 1997 nhưng tại đơn xin nhận đất Lâm nghiệp của ông không có ngày tháng, tại phiên tòa ông cũng không biết ông viết đơn xin nhận đất Lâm nghiệp từ ngày nào. Tại biên bản giao đất thực địa cũng không có ngày tháng năm nào, ông Ch cũng không ký nhận đất. Tại bản đồ giao đất Lâm nghiệp không có dấu của đơn vị giao đất Lâm nghiệp của Hạt kiểm Lâm. Địa danh của thửa đất giao cho ông Ch có vị trí tại : Đồi cầu Sụ. Tuy nhiên vị trí giao đất cho ông H lại có vị trí Đồi khe sụ chuối tỏ nhưng ông H lại tranh chấp tại vị trí Đồi khe Sụ Chuối Tỏ là không đúng. Quá trình cấp đất từ năm 1997 cho đến năm 2014 là 17 năm , ông Ch không hề sử dụng đất năm 2014 ông Ch mới biết đất của ông nên mới đến tranh chấp đất của ông H là không đúng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay còn tồn tại một thực tế là các Quyết định giao đất Lâm nghiệp từ năm 1997 cho đến khi nguyên đơn khởi kiện 2016 là hơn 19 năm, UBND huyện chưa lần nào cho kiểm tra đo đạc thực tế để điều chỉnh sử dụng đất cho các hộ gia đình kể từ khi cấp đất, nhận đất cho đến nay, không cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình. Các Quyết định giao đất năm 1997 của UBND huyện H không có tọa độ. Biên bản giao đất thực địa không có vị trí kích thước Đông, Tây, Nam, Bắc bao nhiêu m?. Từ việc Quyết định giao đất của UBND huyện H, mà cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì là Hạt kiểm Lâm huyện H giao đất cho các hộ gia đình năm 1997, trên cơ sở không có móc giới cụ thể ổn định, qua nhiều năm đã thay đổi tứ cận tiếp giáp, người dân ngoài việc sử dụng phần đất được cấp, còn khai khẩn thêm làm cho các tứ cận tiếp giáp lại càng thay đổi. Do đó để lấy các tài liệu giấy tờ từ trước khi giao đất, cấp đất cho các hộ gia đình mà so sánh với việc sử dụng đất theo hiện trang thực tế bây giờ không thể kiểm tra được. Tại công văn số: 21/TNMT ngày 8/8/2017 cho rằng việc thu hồi đất của một số hộ dân để làm đập Sụ hồ sơ thu hồi đất hiện nay cũng không lưu giữ tại phòng Tài nguyên Môi trường huyện H.

Tại phiên tòa ông H có xuất trình tài liệu: Danh sách đền bù thiệt hại do giải tỏa đền bù để xây dựng công trình: Thủy lợi khe Sụ xã Q, huyện H với diện tích: 15.700.000m^2 đất Lâm nghiệp. Tuy nhiên vị trí thu hồi cụ thể kích thước thu hồi bao nhiêu không có tài liệu chứng minh được.

Cấp sơ thẩm cũng chỉ dựa trên cơ sở sử dụng thực tế của hai hộ để xử buộc ông Đặng Ch trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H với 2.981m^2 là có cơ sở. Mặc dù hồ sơ cấp đất của ông Đặng Văn Ch so với hồ sơ cấp đất của ông Nguyễn Ngọc H có khác nhau về cơ sở pháp lý. Tuy nhiên trên thực tế vẫn đang tồn tại Quyết định số: 164/QĐ - UB ngày 02/6/1997 của UBND huyện H cấp đất cho ông Đặng Ch với diện tích: 0,5ha đất vị trí tại đồi cầu Sụ. Hiện nay ông Chuyên chỉ sử dụng 1.305m^2 so với diện tích ông được cấp 5.000m^2.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự để hủy bản án Dân sự sơ thẩm, do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng một số nội dung như:

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H ông chỉ yêu cầu ông Đặng Văn Ch trả lại khoảng 1.000m^2 đất, nhưng cấp sơ thẩm buộc ông Ch trả: 2.981m^2 là vượt quá. Ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện ông Đặng Văn Ch nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ ông Đặng Văn Ch và ông Đặng Ch tại hồ sơ cấp đất có phải là một người hay không. Vụ án thụ lý từ 26/12/ 2016 khi Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/ 2016 mới có hiệu lực nhưng cấp sơ thẩm vẫn áp dụng là vi phạm tố tụng. Việc UBND huyện H cho rằng trong quá trình làm đập sụ đã có thu hồi một số đất của các đương sự nhưng chưa có tài liệu chứng minh làm rõ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù đơn khởi kiện yêu cầu ông Ch trả khoảng 1.000.000đ, nhưng cấp sơ thẩm xử trả 2.981m^2 là vượt quá. Thực tế ông H được cấp 3ha đất = 30.000.000m^2,theo tài liệu mà ông cung cấp cho Tòa thì UBND huyện có thu hồi của ông 15.700.000m^2, số đất còn lại của ông phải gần một nửa. Sơ thẩm buộc ông Ch trả lại 2.981m^2 vẫn chưa đủ đất của ông, cho nên Đại diện Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm có lỗi vi phạm trong phần tuyên vượt quá là có phần máy móc, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này mà dựa trên cơ sở thực tế, cấp sơ thẩm tuyên buộc trả cho ông H là phù hợp. Về vấn đề ông Đặng Văn Ch và ông Đặng Ch, theo Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát cấp sơ thẩm chưa làm rõ cụ thể có phải là một người hay không thì thấy: Tại phiên tòa ông Ch cho rằng: Theo sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân ông có tên là Đặng Văn Ch, nhưng hồ sơ cấp đất là Đặng Ch là của ông, hơn nửa tại thôn B, xã Q không có người nào tên là Đặng Ch vào tranh chấp Quyết định của UBND huyện cấp cho ông Đặng Ch hiện đang tham gia tố tụng. Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cấp sơ thẩm áp dụng Nghị Quyết 326//2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 để xử lý án phí là vi phạm, vì lúc thụ lý vụ án Nghị quyết này chưa có hiệu lực. Tuy nhiên những vi phạm này của cấp sơ thẩm không phải là không thể bổ sung được mà Hội đồng xét xử cũng có thể bổ sung sửa án sơ thẩm về phần án phí để tuyên bố cho đúng là vẫn có cơ sở. Công văn của UBND huyện trả lời cho Tòa án trong khi làm đập sụ có thu hồi một số đất của dân nhưng không có tài liệu minh. Theo tài liệu của UBND huyện H thì hiện nay không lưu giữ tại phòng Tài nguyên Môi trường Huyện H đã lâu, việc thu hồi không có vị trí kích thước ..vv..nếu hủy bản án sơ thẩm vì một số vi phạm nói trên, thì cấp sơ thẩm không có cơ sở để làm lại được. Việc đề nghị hủy án sơ thẩm của Viện kiểm sát cũng chỉ kéo dài vụ án không cần thiết.

Như nhận xét của Hội đồng xét xử nói trên ngay từ khi cấp đất đã không rõ ràng cụ thể, qua nhiều năm thay đổi biến động không được chỉnh lý. Hiện nay dựa trên cơ sở sử dụng thực tế và việc tồn tại 2 Quyết định của UBND huyện do Hạt kiểm Lâm chủ trì cấp từ năm 1997. Do đó, Cấp sơ thẩm cũng chỉ dựa trên cơ sở sử dụng thực tế của hai hộ để xử buộc ông Đặng Văn Ch trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H với 2.981m^2 là có cơ sở. Hội đồng thấy cần giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm cũng tuyên không rõ ràng: Theo sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do vẽ trên cơ sở kết quả của Hội đồng thẩm định đất thực tế của cấp sơ thẩm, thì lẽ ra ông H đang sử dụng đất của mình là:

5.179m^2. phần đất ông Ch đang sử dụng là: 1.305m^2. Diện tích tranh chấp là: 2.981m^2. Vì vậy lẽ ra phải buộc ông Ch phải trả lại cho ông H: 2.981m^2 đất tranh chấp là có cơ sở. Tuy nhiên tại phần nhận xét của Bản án sơ thẩm đã khẳng định đất của ông H: 8.160m^2 mà không phân tích nói rõ, phần quyết định lại tuyên ông H được sử dụng đất của mình và sử dụng phần diện tích: 2.981m^2, gây nên nhầm lẫn khó hiểu. Vì vậy cấp phúc quyết định giữ nguyên án về phần nội dung nhưng cũng cần sữa chữa lại câu văn cho rõ nghĩa là phù hợp với nội dung vụ án mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Về án phí: Sửa một phần án phí của bản án sơ thẩm: Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009. Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 17 Nghị Quyết số: 01/2012/NQ - HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H được chấp nhận nên ông không phải án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm, ông đã nộp 300.000đ án tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền án phí số: 0000247 ngày 22/10/2017 tại Cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Ông được nhận lại số tiền 100.000đ ông đã nộp thừa.

Ông Đặng Văn Ch kháng cáo phúc thẩm quá hạn không được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dung khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật đất đai năm 2003

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về nội dung. Sửa một phần về án phí sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc H. Buộc ông Đặng Văn Ch trả lại 2.981m^2 cho ông Nguyễn Ngọc H. Tổng cộng ông Nguyễn Ngọc H được sử dụng 8.160m^2 cụ thể có các tứ cận: Đông giáp đập khe Sụ. Tây giáp đất ông Q. Nam giáp đất ông Đặng Văn Ch. Bắc giáp đất của ông (có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí: Sửa một phần án phí của Bản án sơ thẩm: Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009. Áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 17 Nghị Quyết số: 01/2012/NQ- HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền mà ông đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm: 300.000đ án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000247 ngày 22/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Ông được nhận lại số tiền 100.000đ ông nộp thừa và số tiền 200.000đ mà ông đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002583 ngày 26/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Ông H được nhận lại

300.000đ. Số tiền ông Nguyễn Ngọc H đã chi phí cho Hội đồng Thẩm định cấp sơ thẩm là: 1.500.000đ cấp sơ thẩm đã chi hết cho Hội đồng Thẩm định nên cấp sơ thẩm không xem xét thêm.

Ông Đặng Văn Ch phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS huyện Minh Hóa;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu AV; Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Loan